

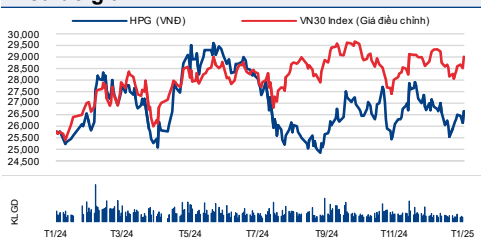
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ36,800
Tiềm năng tăng/giảm: 38.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/1/2025)	26,650
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	24,850-29,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	26,388
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	170,460
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,805
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,396
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,134
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,700
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.4%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	118,953	136,719	169,992
EBITDA đc (tỷ đồng)	16,443	21,154	29,230
LN TT (tỷ đồng)	7,793	13,624	17,799
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,493	11,463	15,390
FCF (tỷ đồng)	(7,881)	(23,712)	(15,725)
EPS ĐC (đồng)	1,117	1,792	2,406
DPS (đồng)	0	500	1,000
BVPS (đồng)	17,674	18,266	20,173
T.trưởng EBITDA (%)	(17.3)	28.7	38.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	60.5	34.3
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	15.5	17.2
Tỷ suất LN TT (%)	6.55	9.96	10.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.75	8.83	9.53
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	26.5	39.5
Nợ thuần/VCSH (%)	52.4	60.3	61.3
ROAE (%)	6.88	11.0	13.2
ROACE (%)	8.62	11.0	12.9
EV/doanh thu (lần)	1.56	1.65	1.36
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.3	10.6	7.92
P/E ĐC (lần)	23.9	14.9	11.1
P/B (lần)	1.51	1.46	1.32
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.88	3.75

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2024: Lợi nhuận khiêm tốn; sát với dự báo

- HPG vừa công bố KQKD sơ bộ Q4/2024, cho thấy LNST đạt 2.809 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng kỳ và giảm 7% so với quý trước; sát với dự báo của HSC ở mức 2.853 tỷ đồng. Tổng doanh thu Q4/2024 đạt 35,2 nghìn tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ nhưng tăng 3% so với quý trước.
- Mặc dù sản lượng tiêu thụ thép Q4/2024 giảm 3% so với cùng kỳ và giảm 2% so với quý trước, doanh thu tăng có thể là nhờ doanh thu mảng nông nghiệp tăng mạnh. Trong khi đó, giá bán bình quân của mảng thép thấp hơn và lỗ tỷ giá tác động tiêu cực lên lợi nhuận thuần.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu không đổi ở mức 36.800đ (tiềm năng tăng giá: 38%) nhờ kịp thời bổ sung thêm công suất mới, phù hợp với việc đẩy mạnh đầu tư công và sự phục hồi của thị trường BĐS, cũng như tiềm năng từ các chính sách bảo hộ thương mại.

Sự kiện: Công bố KQKD sơ bộ Q4/2024

Chiều ngày 24/1/2025, HPG công bố KQKD sơ bộ Q4/2024, cho thấy LNST đạt 2.809 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng kỳ và giảm 7% so với quý trước; thấp hơn 1% so với dự báo của HSC ở mức 2.850 tỷ đồng trên tổng doanh thu 35.232 tỷ đồng, tăng 1% so với cùng kỳ và 3% so với quý trước. Với những kết quả trên, LNST năm 2024 của HPG đạt 12.020 tỷ đồng, tăng 77% so với cùng kỳ, so với dự báo LNST của chúng tôi ở mức 12.065 tỷ đồng, trên doanh thu thuần ở mức 141 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ. Chi tiết như sau:

Doanh thu thuần vững chắc mặc dù sản lượng tiêu thụ giảm

HPG công bố tổng doanh thu Q4/2024 tăng 0,9% so với cùng kỳ và tăng 2,7% so với quý trước đạt 35.232 tỷ đồng. Do Công ty chưa công bố BCTC hoàn chỉnh, HSC dự báo rằng mảng nông nghiệp đóng góp chính vào tăng trưởng doanh thu. Liên quan đến mảng thép, chúng tôi dự báo doanh thu Q4/2024 sẽ giảm khoảng 7% so với cùng kỳ và 6% so với quý trước do sản lượng tiêu thụ và giá bán bình quân giảm:

Sản lượng tiêu thụ thép Q4/2024 giảm 3% so với cùng kỳ và 2% so với quý trước xuống chỉ còn 2,32 triệu tấn. Trong đó:

- Sản lượng xuất khẩu** giảm mạnh 26% so với cùng kỳ và 29% so với quý trước xuống chỉ còn 561.681 tấn trong Q4/2024. Hoạt động xuất khẩu trong Q4/2024 của tất cả các phân khúc sản phẩm đều giảm, từ thép xây dựng, HRC và tôn mạ, do hành vi bán phá giá thép Trung Quốc và giá xuất khẩu bình quân kém hấp dẫn.
- Sản lượng tiêu thụ trong nước** vẫn vững chắc, tăng 8% so với cùng kỳ và tăng 12% so với quý trước lên 1,76 triệu tấn trong Q4/2024, nhờ đẩy mạnh hoạt động đầu tư công.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD sơ bộ Q4/2024, HPG

Lợi nhuận khiêm tốn, giá bán bình quân giảm và lỗ tỷ giá

Tỷ đồng	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	Tăng trưởng	Dự báo 2024	% hoàn thành
Tổng doanh thu	35,232	0.9%	2.7%	140,560	16.8%	136,735	103%
LNST	2,809	-5.4%	-7.0%	12,020	76.8%	12,065	100%
Lợi nhuận thuần (*)	2,810	-5.5%	-7.0%	12,023	75.9%	12,067	100%

Ghi chú: (*) Chúng tôi ước tính lợi nhuận thuần Q4/2024, dựa trên LNST công bố
Nguồn: HPG, HSC

Liên quan đến giá bán bình quân đối với mangan thép, chúng tôi dự báo giá thép xây dựng và HRC trong Q4/2024 giảm lần lượt 1% so với cùng kỳ và giảm 10% so với quý trước, giá bán bình quân của thép xây dựng tăng 1% trong khi giá bán bình quân của HRC giảm 7%.

Cho cả năm 2024, tổng doanh thu của HPG đạt 141 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 16,8% và hoàn thành 103% dự báo của chúng tôi. Trong đó, doanh thu xuất khẩu đóng góp 31% vào tổng doanh thu năm 2024, cao hơn so với mức 30% trong năm 2023.

Lợi nhuận thuần giảm đa phần do tỷ suất lợi nhuận thu hẹp

Tỷ suất lợi nhuận thuần giảm xuống mức 8% trong Q4/2024, thấp hơn so với mức 8,5% và 8,8% trong Q4/2023 và Q3/2024. Do BCTC hoàn chỉnh chưa được công bố, chúng tôi dự đoán tỷ suất lợi nhuận giảm so với cùng kỳ và so với quý trước chủ yếu do:

- Giá bán bình quân giảm như đã đề cập ở phần trên.
- Lỗ tỷ giá tăng do đồng USD tăng giá trong tháng 12/2024.

Do đó, LNST Q4/2024 đạt 2.809 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng kỳ và giảm 7% so với quý trước, thấp hơn dự báo của chúng tôi ở mức 2.850 tỷ đồng. Kết quả trên cho thấy LNST năm 2024 đạt 12.020 tỷ đồng, tăng 77% so với cùng kỳ và hoàn thành 100% dự báo của chúng tôi ở mức 2.850 tỷ đồng.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

Do KQKD Q4/2024 sát với dự báo, HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận thuần năm 2025 ở mức 16,2 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 35%. HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm ở mức 10,8 lần, cao hơn so với bình quân 5 năm ở mức 11,1 lần.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu không đổi ở mức 36.800đ (tiềm năng tăng giá: 38%) nhờ kịp thời bổ sung thêm công suất mới, phù hợp với việc đẩy mạnh đầu tư công và sự phục hồi của thị trường BĐS, cũng như tiềm năng từ các chính sách bảo hộ thương mại.

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ Q4/2024, HPG

Sản lượng tiêu thụ Q4/2024 giảm 3% so với cùng kỳ và 2% so với quý trước do sản lượng xuất khẩu giảm

Tán	T12/24	So với cùng kỳ	So với tháng trước	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	Tăng trưởng
Sản phẩm thượng nguồn	613,102	-19.5%	3.0%	2,017,011	-4.3%	-1.7%	8,114,755	20.7%
Thép xây dựng	384,121	-17.1%	19.4%	1,159,301	-4.4%	5.8%	4,482,719	18.3%
Phôi thép	18,325	-36.2%	-63.4%	201,099	148.1%	-7.3%	706,899	409.8%
HRC	210,656	-21.8%	-5.8%	656,611	-19.2%	-11.1%	2,925,137	4.6%
Ống thép	60,391	-11.9%	1.3%	204,585	3.9%	10.6%	706,938	3.3%
Tôn mạ	21,764	-11.0%	-40.3%	101,654	14.8%	-17.1%	446,411	35.6%
Tổng sản lượng tiêu thụ	695,257	-18.6%	0.6%	2,323,250	-2.9%	-1.5%	9,268,104	19.8%
Sản lượng thép thô	799,972	23.5%	9.0%	2,263,368	19.7%	9.0%	8,708,806	29.9%

Nguồn: VSA, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	141,409	118,953	136,719	169,992	210,935
Lợi nhuận gộp	16,763	12,938	18,650	25,454	32,571
Chi phí BH&QL	(3,685)	(3,269)	(4,170)	(4,930)	(5,906)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	13,078	9,669	14,480	20,525	26,665
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,335)	(2,811)	(4,020)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(1.07)	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	129	142	479	85.0	105
LN TT	9,923	7,793	13,624	17,799	22,750
Chi phí thuế TNDN	(1,479)	(992)	(1,560)	(1,602)	(1,820)
Lợi ích cổ đông thiểu số	39.1	34.7	2.37	3.18	4.11
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	8,484	6,835	12,066	16,200	20,935
Lợi nhuận thuần ĐC	8,059	6,493	11,463	15,390	19,888
EBITDA ĐC	19,893	16,443	21,154	29,230	37,539
EPS (đồng)	1,459	1,175	1,886	2,533	3,273
EPS ĐC (đồng)	1,386	1,117	1,792	2,406	3,109
DPS (đồng)	0	0	500	1,000	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	8,325	12,267	9,384	16,611	13,890
Đầu tư ngắn hạn	26,268	22,162	15,039	16,999	21,094
Phải thu khách hàng	9,893	10,702	10,938	15,299	21,094
Hàng tồn kho	34,491	34,504	39,648	50,148	63,281
Các tài sản ngắn hạn khác	1,538	3,081	6,836	8,500	10,547
Tổng tài sản ngắn hạn	80,515	82,716	81,845	107,557	129,905
TSCĐ hữu hình	83,562	97,886	127,089	134,971	123,250
TSCĐ vô hình	634	211	208	229	252
Bất động sản đầu tư	629	594	567	538	506
Đầu tư dài hạn	0	40.0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0.70	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4,995	6,335	7,152	8,019	9,930
Tổng tài sản dài hạn	89,821	105,066	135,017	143,758	133,938
Tổng cộng tài sản	170,336	187,783	216,861	251,314	263,842
Nợ ngắn hạn	46,749	54,982	54,688	59,497	63,281
Phải trả người bán	11,107	12,387	10,938	16,999	21,094
Nợ ngắn hạn khác	3,020	2,457	2,266	2,312	2,486
Tổng nợ ngắn hạn	62,385	71,513	69,830	81,219	89,852
Nợ dài hạn	11,152	10,399	24,306	35,179	25,585
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	31.2	30.0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	597	2,948	5,825	5,827	5,828
Tổng nợ dài hạn	11,780	13,378	30,131	41,006	31,413
Tổng nợ phải trả	74,223	84,946	99,961	122,225	121,266
Vốn chủ sở hữu	96,007	102,771	116,837	129,029	142,520
Lợi ích cổ đông thiểu số	106	65.8	63.4	60.2	56.1
Tổng vốn chủ sở hữu	96,113	102,836	116,900	129,089	142,577
Tổng nợ phải trả và VCSH	170,336	187,783	216,861	251,314	263,842
BVPS (đ)	16,511	17,674	18,266	20,173	22,282
Nợ thuần*/(tiền mặt)	49,576	53,114	69,610	78,065	74,975

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	13,078	9,669	14,480	20,525	26,665
Khấu hao	(6,814)	(6,773)	(6,674)	(8,705)	(10,874)
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,335)	(2,811)	(4,020)
Thuế TNDN đã nộp	(1,242)	(560)	(1,560)	(1,602)	(1,820)
Thay đổi vốn lưu động	(5,765)	(6,243)	(7,588)	(26,504)	(30,535)
Khác	(3,777)	(3,753)	(2,085)	(3,731)	(5,095)
LCT thuần từ HĐKD	12,192	9,472	12,135	854	4,928
Đầu tư TS dài hạn	(17,966)	(17,353)	(35,847)	(16,579)	856
Góp vốn & đầu tư	(53,800)	(38,417)	7,026	(1,993)	(4,135)
Thanh lý	47,055	42,969	111	159	135
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(24,712)	(12,801)	(28,711)	(18,413)	(3,145)
Cổ tức trả cho CSH	(2,247)	(8.01)	(3,198)	(6,396)	(9,594)
Thu từ phát hành CP	4.08	(1.64)	0	0	0
Tăng/giảm nợ	626	7,283	16,890	31,183	5,090
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,617)	7,273	13,692	24,787	(4,505)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	22,471	8,325	12,267	9,384	16,611
LCT thuần trong kỳ	(14,137)	3,944	(2,884)	7,227	(2,721)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(9.64)	(0.73)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,325	12,267	9,384	16,611	13,890
Dòng tiền tự do	(5,774)	(7,881)	(23,712)	(15,725)	5,784

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	11.9	10.9	13.6	15.0	15.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.1	13.8	15.5	17.2	17.8
Tỷ suất LNT (%)	6.00	5.75	8.83	9.53	9.92
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.9	12.7	11.4	9.00	8.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(5.53)	(15.9)	14.9	24.3	24.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(54.5)	(17.3)	28.7	38.2	28.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(75.4)	(19.4)	76.5	34.3	29.2
Tăng trưởng EPS (%)	(81.1)	(19.4)	60.5	34.3	29.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(81.1)	(19.4)	60.5	34.3	29.2
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm	100	50.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	26.5	39.5	45.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	9.09	6.88	11.0	13.2	15.4
ROACE (%)	12.3	8.62	11.0	12.9	15.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.81	0.66	0.68	0.73	0.82
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.93	0.98	0.84	0.04	0.18
Số ngày tồn kho	101	119	123	127	129
Số ngày phải thu	29.0	36.8	33.8	38.6	43.2
Số ngày phải trả	32.5	42.6	33.8	42.9	43.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.5	52.4	60.3	61.3	53.5
Nợ/tài sản (%)	34.5	35.2	36.8	38.1	34.2
EBIT/lãi vay (lần)	3.98	4.79	10.8	7.30	6.63
Nợ/EBITDA (lần)	2.95	4.02	3.77	3.28	2.40
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.29	1.16	1.17	1.32	1.45
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.26	1.56	1.65	1.36	1.06
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.97	11.3	10.6	7.92	5.98
P/E (lần)	18.3	22.7	14.1	10.5	8.14
P/E ĐC (lần)	19.2	23.9	14.9	11.1	8.57
P/B (lần)	1.61	1.51	1.46	1.32	1.20
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.88	3.75	5.63

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn